

Số: /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số...../TTr-SKHĐT ngàytháng ... năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số quy định chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

1. Thay thế cụm từ “ngày 23” bằng cụm từ “ngày 20” điểm b, khoản 1, Điều 7 Thời hạn báo cáo tại Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối với Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

a) Bãi bỏ danh mục số 07 Báo cáo tình hình phát triển xây dựng và danh mục số 08 Báo cáo tình hình phát triển nhà ở, Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Thay thế các cụm từ cột số 7, số 8 và 9, danh mục số 06 Báo cáo tình hình phát triển đô thị, Phụ lục I, Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

- Thay thế cụm từ “ Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo” bằng cụm từ “Ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo” tại cột số 7 Danh mục số 06 Báo cáo tình hình phát triển đô thị, Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thay thế cụm từ “Trước ngày 18 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo” bằng cụm từ “Trước ngày 18 tháng 12 của kỳ báo cáo” tại cột số 8 Danh mục số 06 Báo cáo tình hình phát triển đô thị, Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thay thế cụm từ “6 tháng, năm” bằng cụm từ “năm” tại cột số 09 Danh mục số 06 Báo cáo tình hình phát triển đô thị, Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Thay thế cụm từ “02 lần/năm” bằng cụm từ “01 lần/năm” tại cột số 09 Danh mục số 06 Báo cáo tình hình phát triển đô thị, Phụ lục I Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Bãi bỏ Mẫu Đề cương Báo cáo tình hình phát triển xây dựng; Báo cáo tình hình phát triển nhà ở thuộc Mẫu số 03, Phụ lục II, Đề cương báo cáo định kỳ.

4. Bổ sung Sở Lao động, Thương binh và Xã hội vào nội dung báo cáo và đơn vị thực hiện báo cáo tại Phụ lục III Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê.

5. Đối với các Biểu mẫu số 01, Biểu mẫu số 13, Biểu mẫu số 16.1 -16.9, Phụ lục III Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện báo cáo thống kê.

a) Đối với Biểu mẫu số 01 Phụ lục III Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện báo cáo thống kê

- Thay thế các chỉ tiêu theo thành phần kinh tế, tại chỉ tiêu số 03 cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành) bằng các chỉ tiêu: Kinh tế nhà nước, Kinh tế ngoài nhà nước, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

- Bỏ Cụm từ “ Trong đó: Xuất khẩu địa phương (quản lý)” tại chỉ tiêu số 11, Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn.

- Thay thế cụm từ “ Quốc phòng – an ninh” bằng cụm từ “An ninh – Trật tự” tại số thứ tự IV

- Thay thế tên các chỉ tiêu và đơn vị tính từ số 51, 52, 54, 55, 56 bằng các tên chỉ tiêu và đơn vị tính:

51. Phần đầu kéo giảm ít nhất tỷ lệ % số vụ phạm tội về trật tự xã hội so với thống kê của năm; đơn vị tính %,

52. Phát hiện nhiều hơn tỷ lệ % vụ phạm tội ma túy so với năm; đơn vị tính %.

54. Tỷ lệ tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý, trong đó: tỷ lệ giải quyết đạt trên; đơn vị tính %

55. Tỷ lệ điều tra khám phá án đạt trên; đơn vị tính %

56. Tỷ lệ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trên; đơn vị tính %

- Thay thế cụm từ “Số vụ, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông, trong đó : Số vụ, Số người chết, Số người bị thương” tại Chỉ tiêu số 53 bằng cụm từ “Số vụ tai nạn giao thông; số vụ cháy, nổ, trong đó: a) Số vụ tai nạn giao thông, trong đó: số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng; b) Số vụ cháy, nổ, trong đó: số vụ cháy, nổ lớn”.

- Thay thế cụm từ “chỉ tiêu thi hành án dân sự xong/tổng số án có điều kiện thi hành, trong đó:” bằng cụm từ “ Chỉ tiêu thi hành án xong/tổng số có điều kiện thi hành trong đó:”

b) Thay thế cụm từ “Tổng số trường Đại học, cao đẳng” bằng cụm từ “ Tổng số trường cao đẳng” tại Chỉ tiêu số 01, Số trường Đối với Biểu mẫu số 13, Phụ lục III Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê.

c) Thay thế Biểu mẫu, nội dung báo cáo từ 16.1 Báo cáo công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng đến 16.9 Tổng hợp kết quả tiếp dân bằng biểu mẫu, nội dung báo cáo từ 16.1 đến 16.23 Ngành thanh tra, tại Phụ lục III Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê như sau:

- 16. 1 Tổng hợp kết quả thanh tra hành chính
- 16.2 Tổng hợp kết quả thực hiện kết luận thanh tra hành chính
- 16.3 Tổng hợp kết quả thanh tra hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản
- 16.4 Tổng hợp kết quả thanh tra trong lĩnh vực tài chính - ngân sách
- 16. 5 Tổng hợp kết quả thanh tra trong lĩnh vực đất đai
- 16. 6 Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành
- 16.7 Tổng hợp kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra chuyên ngành
- 16.8 Tổng hợp công tác quản lý nhà nước về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng
- 16.9 Tổng hợp công tác xây dựng lực lượng thanh tra
- 16.10 Tổng hợp kết quả tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất
- 16.11 Tổng hợp kết quả phân loại, xử lý đơn qua tiếp công dân
- 16.12 Tổng hợp kết quả xử lý đơn
- 16.13 Tổng hợp kết quả xử lý đơn khiếu nại
- 16.14 Tổng hợp kết quả xử lý đơn tố cáo
- 16.15 Tổng hợp kết quả xử lý đơn kiến nghị, phản ánh
- 16.16 Tổng hợp kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền

- 16.17 Tổng hợp kết quả thi hành quyết định giải quyết khiếu nại
- 16.18 Tổng hợp kết quả giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền
- 16.19 Tổng hợp kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo
- 16.20 Tổng hợp công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo
- 16.21 Tổng hợp kết quả về công tác phòng, chống tham nhũng
- 16.22 Danh sách các vụ tham nhũng được phát hiện trong kỳ
- 16.23 Kết quả phát hiện, khắc phục các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng.....năm 2022. Các nội dung khác tại Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ KHĐT, Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, THNC, (Số bản....).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Tiến Dũng